

Số: 116/2020/QĐST- HNGĐ

Hải An, ngày 16 tháng 6 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 124/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

+ Anh Nguyễn Văn T; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 17 B123, tổ dân phố C1, phường C, quận H, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Số 195 phố T, phường C, quận H, thành phố Hải Phòng.

+ Chị Nguyễn Thị N; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 17 B123, tổ dân phố C1, phường C, quận H, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Số nhà 47 Lô 42 Khu tái định cư X, phường S, quận H, thành phố Hải Phòng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, quận N (nay là quận H), thành phố Hải Phòng ngày 21 tháng 3 năm 2003 là hôn nhân hợp pháp. Qua lời trình bày của anh T và chị N cho thấy cuộc sống hôn nhân của anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn do có sự bất đồng quan điểm trong sinh hoạt hàng ngày, dẫn đến vợ chồng không còn yêu thương nhau và đã sống ly thân mỗi người một nơi từ nhiều năm nay. Mặc dù Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, nhưng không thành. Anh T và chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn để ổn định cuộc sống.

[2] Về con chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị N xác nhận có 02 con chung là Nguyễn Thị Mai A sinh ngày 07/01/2004 và Nguyễn Vương A sinh ngày

02/11/2010. Khi ly hôn, hai bên thỏa thuận giao cả 02 con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Chị N cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng/con (Bằng chữ: Một triệu năm trăm nghìn đồng trên một tháng trên một con) kể từ tháng 06/2020.

[3] Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị N xác nhận không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị N thỏa thuận mỗi người chịu ½ mức lệ phí theo quy định của pháp luật.

Xét việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành ngày 08 tháng 6 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Thị Mai A sinh ngày 07/01/2004 và Nguyễn Vương A sinh ngày 02/11/2010 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Thành với số tiền là 1.500.000 đồng/tháng/con (Bằng chữ: Một triệu năm trăm nghìn đồng trên một tháng trên một con) kể từ tháng 06/2020 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của anh Thành cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng chị N phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị N xác nhận không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị N mỗi người phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình. Anh T và chị N đã nộp đủ lệ phí theo Biên lai thu tạm ứng án

phí, lệ phí Tòa án số 0005669 ngày 25/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự (để thi hành);
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND quận Hải An;
- Chi cục THADS quận Hải An;
- UBND phường C;
- Lưu: VT, hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Bình